TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 8 - 2022.
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Viết Cẩm.
2. Ông Lê Văn Mỳ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Huy Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*:* Bà Thái Thị Lan là Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm C khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 275/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1998;

Hộ thường trú: số 29, tổ 1, ấp 4, xã V, huyện V, tỉnh Đ.

Địa chỉ liên lạc: phố P, huyện K, tỉnh N.

* *Bị đơn*: Ông Đặng Quang C, sinh năm 1995;

Nơi cư trú: số 29, tổ 1, ấp 4, xã V, huyện V, tỉnh Đ.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:*

Bà và ông Đặng Quang C tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn phố P, huyện K, tỉnh N, có Giấy chứng nhận kết hôn năm 2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách vợ và chồng

không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng đã ly thân với nhau. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: bà và ông C có 02 con chung là Đặng Quang B, sinh ngày 05/12/2015 và Đặng Anh T, sinh ngày 18/8/2018. Theo đơn khởi kiện bà xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, giao cháu T cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết bà xin thay đổi yêu cầu, bà xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, bà đồng ý giao cháu B cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con bà không yêu cầu.

Về tài sản chung của vợ chồng: bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Đặng Quang C quá trình giải quyết vụ án trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: ông thống nhất với ý kiến trình bày của bà H về quá trình kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng ông có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hiện nay hai vợ chồng đã ly thân với nhau, tuy nhiên bà H yêu cầu ly hôn ông không đồng ý.

Về con chung: ông và bà H có 02 con chung là Đặng Quang B, sinh ngày 05/12/2015 và Đặng Anh T, sinh ngày 18/8/2018. Trường hợp ly hôn ông xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, ông đồng ý giao cháu T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con ông không yêu cầu.

Về tài sản chung của vợ chồng: ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; xác minh thu thập tài liệu chứng cứ, C khai chứng cứ, hòa giải và các thủ tục tố tụng khác đúng Điều 93 đến Điều 97, Điều 208, 209, 210, 211 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", Thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu theo Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, tư cách tham gia tố tụng đúng Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng đúng Điều 203, khoản 2 Điều 220, Điều 170 đến Điều 181 Bộ luật Tố tung dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng các Điều 230, 240, 241, 242, 243, 240, 247, 240, 250, 251, 252, 255, 254, 255, 250, 257, 259, 260 và Điều 263 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: bà H và ông C trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

Về con chung: bà H và ông C có 02 con chung là Đặng Quang B, sinh ngày 05/12/2015 và Đặng Anh T, sinh ngày 18/8/2018. Ly hôn hai bên thống nhất giao cháu T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu B cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét, giải quyết.

Về án phí: đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Đặng Quang C cư trú tại xã V, huyện V, tỉnh Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện đăng ký kết hôn có giấy chứng nhận kết hôn năm 2016. Căn cứ Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà H khởi kiện ly hôn nên Tòa án áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn xảy ra từ nhiều năm, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột, không chăm lo cuộc sống gia đình, nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Giữa hai vợ chồng đã tìm cách hòa giải, khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cả bà H và ông C đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, vợ chồng hiện nay sống ly thân nhau không còn chung sống. bà H yêu cầu ly hôn ông C không đồng ý, tuy nhiên từ lúc hai vợ chồng có mâu thuẫn cho đến nay ông C không có biện pháp gì để hai vợ chồng khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì giữa bà H và ông C có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân đúng như bà H đã trình bày.

Từ những nhận định trên, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa các đương sự là có thật, trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn theo các Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Về con: bà H và ông C có 02 con chung là Đặng Quang B, sinh ngày 05/12/2015 và Đặng Anh T, sinh ngày 18/8/2018. Ly hôn hai bên thống nhất giao cháu T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu B cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Đặng Anh T, sinh ngày 18/8/2018 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đặng Quang B, sinh ngày 05/12/2015 ông C trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên thống nhất không phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét theo các Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi ly hôn bà H, ông C được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu về ly hôn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 203, Điều 220, khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân dân sự;

- Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về hôn nhân: bà Phạm Thị H được ly hôn đối với ông Đặng Quang C.

- Về con: bà H và ông C có 02 con chung là Đặng Quang B, sinh ngày 05/12/2015 và Đặng Anh T, sinh ngày 18/8/2018. Ly hôn giao cháu Đặng Anh T, sinh ngày 18/8/2018 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đặng Quang B, sinh ngày 05/12/2015 ông C trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con hai bên thống nhất không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn bà H, ông C được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: nguyên đơn bà Phạm Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004334 ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Bản án được thi hành theo quy định tại các Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quan.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Đại